

Số: 118 /2026/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13867/TTr-STC ngày 04 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ

quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam được thực hiện trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về đính chính Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án

1. Hồ sơ khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Sở Tài chính là cơ quan chủ trì, thẩm định khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính có văn bản gửi hồ sơ đến Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều tỉnh/thành phố hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại tỉnh, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh có văn bản lấy ý kiến của các bộ, ngành, tỉnh/thành phố có liên quan.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến phải có văn bản tham gia ý kiến gửi về Sở Tài chính; trong đó, yêu cầu phải đánh giá đầy đủ các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý theo nội dung đề nghị của Sở Tài chính; thể hiện rõ quan điểm (đồng ý hoặc không đồng ý, phù hợp hoặc không phù hợp) về nội dung được lấy ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến; Sở Tài chính tổng hợp, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ và lập báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Căn cứ kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án.

Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh và gửi thông báo tới chủ khoản viện trợ; UBND tỉnh thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

3. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, UBND tỉnh thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án

1. Trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho khoản viện trợ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài

chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập hồ sơ và tham mưu cho UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Trường hợp việc thay đổi khoản viện trợ làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên, hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị trong đó phải xác định rõ nội dung, lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án. Trên cơ sở đề nghị của chủ khoản viện trợ, Sở Tài chính tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**

Điều 7. Quản lý thực hiện viện trợ

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức dành cho tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các xã, phường.

2. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện, năng lực tổ chức quản lý dự án, UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trên cơ sở quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, chủ khoản viện trợ ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện dự án; quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn viện trợ và vốn đối ứng của dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Sau khi kết thúc, chủ khoản viện trợ tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng dự án.

Điều 8. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Việc mở tài khoản thanh toán; lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ; giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và Luật Ngân sách nhà nước.

3. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP:

a) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ lập nhu cầu vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật; phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hằng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: Chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh có văn bản gửi Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hằng năm. Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh cân đối trong tổng vốn đã được phân bổ hoặc có văn bản gửi Bộ Tài chính yêu cầu xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch ngân sách năm tiếp theo.

4. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hoá; thuế và kiểm toán các khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận, giải ngân và sử dụng viện trợ

1. Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp tình hình tiếp nhận, giải ngân và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hằng năm, báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 01 tháng 02 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án (nếu có):

a) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo) và hằng năm (chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau); gửi Sở Tài chính và các cơ quan liên quan.

b) Báo cáo kết thúc khoản viện trợ chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện gửi Bộ Tài chính, UBND tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi.

c) Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan liên quan.

Mẫu biểu báo cáo thực hiện theo Thông tư số 131/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Thẩm tra hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt khoản viện trợ.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn bên tiếp nhận viện trợ và chủ khoản viện trợ lập hồ sơ viện trợ; tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ; tham mưu bố trí cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

d) Chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, phi dự án; việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án.

e) Cập nhật thông tin quản lý viện trợ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về viện trợ không hoàn lại của nước ngoài dành cho Việt Nam.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giúp UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

3. Sở Ngoại vụ

a) Là cơ quan đầu mối về xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Thanh Hóa với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về các nội dung liên quan đến công tác phi chính phủ nước ngoài và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của đơn vị.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài kèm danh mục dự án ưu tiên kêu gọi viện trợ.

d) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, xây dựng và triển khai các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ trì tổng hợp, báo cáo kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

4. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về các nội dung liên quan đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của đơn vị.

c) Chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

5. Sở Nội vụ

a) Phối hợp tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về các nội dung liên quan đến hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của đơn vị.

b) Phối hợp, cung cấp thông tin liên quan đến việc cấp giấy phép lao động đối với khoản viện trợ phi dự án là chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện); thực hiện quản lý nhà nước về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về các nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của đơn vị.

7. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với các dự án, phi dự án theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về sự phù hợp của mục tiêu dự án, mục đích tiếp nhận với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đơn vị thực hiện và thụ hưởng dự án; khả năng vận dụng kết quả dự án vào thực tiễn, tính bền vững sau khi kết thúc; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khách quan của các bên tham gia; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tổ chức, thực hiện của chủ khoản viện trợ.

c) Tổ chức tiếp nhận và thực hiện hoặc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và thực hiện dự án, phi dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng viện trợ.

d) Chuẩn bị mặt bằng (nếu có), cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền mặt từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ đảm bảo theo nội dung văn kiện được phê duyệt, ký kết.

đ) Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ hoặc tham mưu, báo cáo UBND tỉnh đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp) để được xem xét, giải quyết theo quy định./.